

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 - TÂY NINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2025/DS-ST

Ngày: 03-9-2025.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tô Hiền Đức;

2/ Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2025/TLST-DS ngày 11-4-2025 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà Trần Thị T, sinh năm 1962; căn cước công dân số: 072162008450; địa chỉ: số B, tổ A, ấp G, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà H, đường T, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* chị Dương Yến T1, sinh năm 1992; địa chỉ: số nhà A ấp G, phường B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà T và chị T1 quen biết nhau qua mối quan hệ hàng xóm và có tham gia chơi góp hụi. Trong đó, bà T là chủ hụi, còn chị T1 là hụi viên. Tổng cộng, hiện nay chị T1 đã chơi và hót 4 phần hụi cụ thể như sau:

Phần hụi thứ nhất 1: Thời gian bắt đầu là ngày 10/09/2024, mãn hụi là ngày 10/11/2026, tổng cộng có 28 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Chị T1 tham gia 01 phần, tại kỳ 1, chị T1 kêu hụi 500.000 đồng và hót với tổng số tiền là 1.500.000 x

27 phần (sống) = 40.500.000 đồng, sau khi trừ cò 500.000 đồng thì tiền thực lãnh của chị T1 là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền mà chị T1 có trách nhiệm đóng hui cho bà T là $2.000.000 \times 27 \text{ phần} = 54.000.000$ đồng và chị T1 đã đóng được 5 lần $\times 2.000.000$ đồng = 10.000.000 đồng. Số tiền chị T1 còn nợ trong phần hui 1 của bà T là: 44.000.000 đồng.

Phần hui thứ 2: Thời gian bắt đầu là ngày 10/09/2024, mãn hui là ngày 10/11/2026 (cùng với dây hui của phần hui 1), tổng cộng có 28 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Chị T1 tham gia 1 phần, tại kỳ 2, chị T1 kêu hui 550.000 đồng và hốt với tổng số tiền là $1.450.000 \times 26 \text{ phần (sống)} + 1 \text{ phần } 2.000.000 \text{ (hui chết)} = 39.700.000$ đồng, sau khi trừ cò 500.000 đồng thì tiền thực lãnh của chị T1 là 39.200.000 đồng. Tổng số tiền mà chị T1 có trách nhiệm đóng hui cho bà T là $2.000.000 \times 26 \text{ phần} = 52.000.000$ đồng và chị T1 đã đóng được 4 lần $\times 2.000.000$ đồng = 8.000.000 đồng. Số tiền chị T1 còn nợ trong phần hui 1 đối với bà T là: 44.000.000 đồng.

Phần hui thứ 3: Thời gian bắt đầu là ngày 20/10/2024, mãn hui là ngày 20/12/2026, tổng cộng có 28 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Chị T1 tham gia 01 phần, tại kỳ 1, chị T1 kêu hui 500.000 đồng và hốt với tổng số tiền là $1.500.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ phần (sống)} = 40.500.000$ đồng, sau khi trừ cò 500.000 đồng thì tiền thực lãnh của chị T1 là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền mà chị T1 có trách nhiệm đóng hui cho bà T là $2.000.000 \times 27 \text{ phần} = 54.000.000$ đồng và chị T1 đã đóng được 3 lần $\times 2.000.000$ đồng = 6.000.000 đồng. Số tiền chị T1 còn nợ trong phần hui 1 đối với bà T là: 48.000.000 đồng.

Phần hui thứ 4: Thời gian bắt đầu là ngày 20/10/2024, mãn hui là ngày 20/12/2026 (cùng với dây hui phần 3), tổng cộng có 28 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Tại kỳ 3, chị T1 kêu hui 620.000 đồng và hốt với tổng số tiền là $1.380.000 \times 25 \text{ phần (sống)} + 2 \text{ phần } 4.000.000 \text{ (chết)} = 38.500.000$ đồng, sau khi trừ cò 500.000 đồng thì tiền thực lãnh của chị T1 là 38.000.000 đồng. Tổng số tiền mà chị T1 có trách nhiệm đóng hui cho bà T là $2.000.000 \times 25 \text{ phần} = 50.000.000$ đồng và chị T1 đã đóng được 1 lần $\times 2.000.000$ đồng. Số tiền chị T1 còn nợ trong phần hui 1 đối với bà T là: 48.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 4 phần hui chị T1 còn nợ tiền bà T là: $44.000.000 + 44.000.000 + 48.000.000 + 48.000.000 = 184.000.000$ đồng. Tuy nhiên khi được công khai chứng cứ tại tòa thì biết được chị T1 chỉ thừa nhận còn nợ của bà T số tiền 179.000.000 đồng nên bà T cũng đồng ý bỏ bớt cho chị T1 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị T1 trả số tiền nợ hui còn lại là 179.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Dương Yến T1 trình bày:*

Chị T1 thừa nhận còn nợ hui của bà T đúng như bà T trình bày, tuy nhiên không thống nhất số tiền nợ. Hiện tại chị chỉ còn nợ bà T số tiền hui là 179.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền nợ hui này. Do chị bận con nhỏ nên không tham dự phiên tòa được và làm đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị T1 trả số tiền 179.000.000 đồng, tuy nhiên do các phần hội đều chưa mãn, đây hội 2.000.000 đồng ngày khai 10-9-2024, ngày mãn hội là ngày 10-11-2026 và đây hội 2.000.000 đồng ngày 20-10-2024 ngày mãn hội 20-12-2026 nên chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bà T1 trả nợ đến ngày xét xử, bà T1 còn phải tiếp tục đóng hội chết cho bà T đến khi hội mãn.

Về án phí: đề nghị tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu chị Dương Yến T1 trả số tiền nợ hội là 179.000.000 đồng thì thấy rằng: chị T1 có tham gia 4 dây hội do bà T làm chủ thảo, các dây hội này chị T1 đều hót đầu hoặc lần thứ 2 và thứ 3. Hiện tại các dây hội này vẫn còn hoạt động bình thường. Sau khi hót hội chị T1 có đóng cho bà T được khoảng 4-5 lần tiền hội chết thì ngưng. Mặc dù các dây hội này chưa mãn, nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị T1 đã thừa nhận chị có tham gia các dây hội như bà T trình bày, thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà T tiền nợ hội chết là 179.000.000 đồng nên ghi nhận. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc chị Dương Yến T1 trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ hội 179.000.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[4] Về án phí: Do chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu

tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật Dân sự, các điều 16, 17, 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về Hui họ, biểu phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với chị Dương Yến T1 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”:

Buộc chị Dương Yến T1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ hui là 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Chị Dương Yến T1 phải chịu 8.950.000 đồng (Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10-Tây Ninh;
- THA DS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly